TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 348/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29/9/2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Định**.

Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2023/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Khánh L, sinh năm 1996.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC G, phường T, TP C, tỉnh Hải Dương. Đang cư trú tại: Đài Loan. Hiện có mặt ở Việt Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L đồng thời là người được chị L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1993.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: KDC G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị X, sinh năm 1973. Địa chỉ: KDC G, phường T, TP C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H và bà X vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Khánh L *trình bày:* Chị và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 24/3/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, anh H đi làm nhưng không đưa kinh tế cho chị trang trải cuộc sống và nuôi con. Năm 2020 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh chị không có sự thấu hiểu, đồng cảm và tin tưởng nhau về mặt tình cảm, kinh tế, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó chị và anh H không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Khánh N, sinh ngày 28/12/2015 và Dương Đức K, sinh ngày 22/11/2018, hiện các con đang ở với bà Trần Thị X. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị chăm sóc, nuôi dưỡng con Dương Khánh N; anh H nuôi dưỡng con Dương Đức K cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bà X thay chị chăm sóc con Dương Khánh N cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi 3.000.000đ/tháng để bà X nuôi con K. Đồng thời nhất trí để bà X chăm sóc con Dương Đức K cho đến khi anh H về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Bà Trần Thị X (mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H hiện đang làm ăn ở Trung Quốc, anh không xuất nhập cảnh mà đi theo con đường vượt biên. Anh H vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, tuy nhiên bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết, anh H trình

bày chị L muốn ly hôn thì cùng về nước để giải quyết ly hôn. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng, hiện các con đang ở với mẹ anh là bà Trần Thị X, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con chung là 3.000.000đ/tháng. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bà Trần Thị X thay anh chăm sóc các con chung cho đến khi anh về nước, anh có trách nhiệm gửi tiền về cho bà X nuôi các con. Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị X không nhất trí nhận ủy quyền về việc chăm sóc con của chị L; bà nhất trí thay anh H chăm sóc các cháu Dương Khánh N và Dương Đức K cho đến khi anh H về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi các cháu.

Con chung của chị L và anh H là cháu Dương Khánh N có nguyện vọng được ở với anh H và bà nội.

Người được chị L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Vũ Thị C trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị L biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Do anh H có quan điểm đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung nên chị nhất trí để anh H được nuôi dưỡng cả hai con chung, còn việc cấp dưỡng như thế nào là việc của chị, anh H không có quyền được yêu cầu.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L, anh H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với nhau tại địa phương. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng lời qua tiếng lại. Năm 2020, chị L đi lao động ở Đài Loan, chị có về chơi nhưng chưa về nước ở hẳn, còn anh H không có mặt ở địa phương, theo thông tin được biết thì anh H đang lao động ở Trung Quốc. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, tình cảm không có sự gần gũi, gắn bó. Nay chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Khánh L ly hôn anh Dương Văn H. Về con chung: Giao con chung Dương Khánh N và Dương Đức K cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định. Tạm giao cháu Dương Khánh N và Dương Đức K cho bà Trần Thị X chăm sóc trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng K1 và bị đơn anh Dương Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện chị L đang ở trong nước nhưng chị là lao động nhập cư tại Công ty TNHH P, địa chỉ cư trú: Lầu ¼ số E đường V, T, T, Trung Quốc, thời gian cư trú 13/12/2023; anh H mặc dù không có thông tin xuất cảnh nhưng hiện tại anh không có mặt tại địa phương, bà Trần Thị X trình bày và cam đoan anh H đang lao động tại Trung Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà X là mẹ đẻ anh H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh H đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà X vẫn liên lạc với anh H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh H. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H và bà X vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn. Do vậy, căn khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Khánh L và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 24/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tin tưởng nhau cả về kinh tế và tình cảm nên không có tiếng nói chung. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2020 chị L đi lao động tại Đài Loan nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Theo bà X cung cấp hiện tại anh H đang lao động tại Trung Quốc nhưng cũng không liệc lạc và không quan tâm đến nhau. Do vậy, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Thông qua gia đình anh H trình bày, chị L muốn ly hôn thì về nước để giải quyết, anh không có quan điểm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Khánh L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Khánh L và anh Dương Văn H có 02 con chung là Dương Khánh N, sinh ngày 28/12/2015 và Dương Đức K, sinh ngày 22/11/2018, hiện các con đang ở với bà Trần Thị X. Chị L đề nghị được nuôi con Dương Khánh N và có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con Dương Khánh N tròn 18 tuổi. Anh H đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh, chị cùng ủy quyền cho bà X thay anh, chị chăm sóc con chung cho đến khi anh, chị về nước. Mặc dù cả hai anh chị cùng có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên cháu Dương Khánh N và cháu Dương Đức K vẫn đang ở với bà Trần Thị X ổn định, cháu N có nguyện vọng được ở với anh H và bà X. Bà X không nhận ủy quyền về việc chăm sóc con chung của chị L mà bà nhất trí nhận ủy quyền của anh H, bà có trách nhiệm chăm sóc cháu Dương Khánh N và cháu Dương Đức K cho đến khi anh H về nước. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao các con chung Dương Khánh N và Dương Đức K cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Dương Khánh N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh H có trách nhiệm đối với con Dương Đức K. Tạm giao cháu Dương Khánh N và Dương Đức K cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Khánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Khánh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Khánh L ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Dương Văn H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Khánh N, sinh ngày 28/12/2015 và Dương Đức K, sinh ngày 22/11/2018. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Dương Khánh N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao con chung Dương Khánh N và Dương Đức K cho bà Trần Thị X nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị* L *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Hoàng Khánh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003971 ngày 06/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Vũ Thị C nộp thay). Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Hoàng Khánh L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Khánh L và bà Trần Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường